TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

M.3

BẢNG ĐIỂM

HỌC KỲ: 3 **NĂM HỌC: 2012-2013** **Trọng số:**

Môn học: ĐẠI SỐ TUYẾN TÍNH **Lớp: MA003.D31** **Ngày thi:**

Giảng viên: Lê Hoàng Tuấn **Mã giảng viên: 80214** **Phòng thi:**

STT	Mã số SV	Họ và tên sinh viên	Điểm Bài tập/Đồ án 0%	Điểm GK 30%	Điểm TH 0%	Điểm CK 70%	Điểm học phần 100%	Ghi chú
1	07520170	Nguyễn Quang Gia Khang		10.0		3.5	5.5	
2	08520019	Nguyễn Lê Vân Ánh		8.0		5.0	6.0	
3	08520131	Trương Phi Hoàng		6.5		4.0	5.0	
4	08520587	Châu Ngọc Hoàng Tâm		7.0		4.0	5.0	
5	09520035	Phan Hoàng Duy		9.0		3.0	5.0	
6	09520303	Nguyễn Anh Tiến		6.5		2.0	3.5	
7	09520669	Trần Hữu Thịnh		10.0		7.0	8.0	
8	10520020	Đoàn Anh Đức		7.0		5.0	5.5	
9	10520032	Trần Anh Nguyên		10.0		8.0	8.5	
10	10520039	Nguyễn Lương Bằng		6.0		1.5	3.0	
11	10520083	Lê Thị Quyên		10.0		7.0	8.0	
12	10520097	Nguyễn Thanh Tiến		10.0		7.5	8.5	
13	10520098	Trần Tiến Trung		8.0		6.0	6.5	
14	10520099	Trần Đức Tiến		7.0		5.0	5.5	
15	10520114	Hoàng Nhật Tiến		6.5		3.5	4.5	
16	10520122	Nguyễn Tấn Công		6.0		2.0	3.0	
17	10520150	Vũ Văn Sỹ		10.0		3.5	5.5	
18	10520169	Hoàng Minh Tuấn		10.0		2.5	5.0	
19	10520222	Đoàn Văn Thắng		8.0		3.5	5.0	
20	10520282	Nguyễn Ngọc Minh Tuấn		7.0		5.0	5.5	
21	10520283	Trần Đình Vũ		7.0		4.5	5.5	
22	10520300	Nguyễn Hồng Cương		vắng		vắng		vắng
23	10520441	Trần Thành Nhân		6.0		6.0	6.0	
24	10520446	Phan Thanh Bạo		8.0		5.0	6.0	
25	10520582	Nguyễn Văn Đức		10.0		9.0	9.5	
26	10520589	Vũ Văn Hoàng		9.0		6.5	7.5	
27	10520610	Lê Trọng Lợi		10.0		7.5	8.5	
28	11520022	Đỗ Thị Ngọc Bích		6.0		5.5	5.5	

STT	Mã số SV	Họ và tên sinh viên	Điểm Bài tập/Đồ án 0%	Điểm GK 30%	Điểm TH 0%	Điểm CK 70%	Điểm học phần 100%	Ghi chú
29	11520029	Triệu Văn Cấp		5.0		1.0	2.0	
30	11520096	Lê Đình Hải		5.0		5.0	5.0	
31	11520126	Nguyễn Văn Hoàng		10.0		3.5	5.5	
32	11520143	Huỳnh Quang Huy		10.0		9.5	9.5	
33	11520255	Đoàn Xuân Nguyên		1.0		0.5	0.5	
34	11520280	Nguyễn Văn Phát		4.0		vắng		vắng
35	11520282	Lê Đình Phi		4.0		1.5	2.5	
36	11520292	Phạm Đức Phùng		9.0		3.5	5.0	
37	11520330	Nguyễn Phú Sĩ		6.0		7.5	7.0	
38	11520383	Lê Quang Thịnh		8.0		5.0	6.0	
39	11520421	Ngô Thanh Toàn		3.0		0.5	1.5	
40	11520430	Phan Minh Trí		10.0		7.0	8.0	
41	11520443	Võ Kim Tú		4.0		vắng		vắng
42	11520456	Lê Trọng Tuấn		7.0		5.5	6.0	
43	11520459	Đào Thanh Tuấn		8.5		4.5	5.5	
44	11520487	Trần Anh Vũ		vắng		vắng		vắng
45	11520604	Đoàn Đại Ngọc		vắng		vắng		vắng
46	11520622	Nguyễn Công Sang		3.5		3.5	3.5	
47	11520641	Phạm Huỳnh Phương Thảo		7.0		8.5	8.0	
48	11520657	Lương Như Toàn		10.0		7.0	8.0	
49	11520694	Tô Anh Vũ		6.0		7.5	7.0	
50	11520701	Vũ Huy Chương		9.5		3.5	5.5	
51	12520010	Nguyễn Tuấn Anh		9.5		vắng		vắng
52	12520036	Nguyễn Văn Chính		8.5		8.5	8.5	
53	12520038	Nguyễn Thành Công		7.5		6.5	7.0	
54	12520039	Hồ Kim Cúc		10.0		9.5	9.5	
55	12520040	Ngô Tuấn Cường		10.0		10.0	10.0	
56	12520057	Lương Tấn Đạt		10.0		10.0	10.0	
57	12520058	Lý Gia Đạt		10.0		8.5	9.0	
58	12520091	Đào Duy Dương		7.0		2.5	4.0	
59	12520095	Đặng Văn Duy		7.0		5.5	6.0	
60	12520106	Nguyễn Trần Khánh Duy		3.5		1.0	2.0	
61	12520164	Trần Văn Hùng		6.0		5.0	5.5	
62	12520174	Lý Nhật Huy		10.0		7.0	8.0	

STT	Mã số SV	Họ và tên sinh viên	Điểm Bài tập/Đồ án 0%	Điểm GK 30%	Điểm TH 0%	Điểm CK 70%	Điểm học phần 100%	Ghi chú
63	12520180	Vũ Đức Huy		8.0		4.5	5.5	
64	12520198	Phạm Quốc Khánh		6.5		4.0	5.0	
65	12520205	Nguyễn Đăng Khoa		4.0		3.5	3.5	
66	12520210	Tống Trí Kiên		10.0		6.0	7.0	
67	12520225	Nguyễn Trần Thành Liễu		10.0		4.5	6.0	
68	12520227	Nguyễn Thị Linh		9.0		4.0	5.5	
69	12520247	Hồ Công Luận		6.0		1.0	2.5	
70	12520251	Lê Văn Lượng		5.0		vắng		vắng
71	12520269	Hoàng Đại Nam		6.0		3.5	4.5	
72	12520271	Hoàng Văn Nam		6.0		1.5	3.0	
73	12520295	Phạm Kim Chấn Nguyên		6.0		5.0	5.5	
74	12520296	Trần Thị Thảo Nguyên		9.0		7.5	8.0	
75	12520304	Đặng Minh Nhật		10.0		9.5	9.5	
76	12520327	Tống Văn Phương		3.0		3.0	3.0	
77	12520350	Lê Thanh Sang		10.0		7.5	8.5	
78	12520358	Nguyễn Hoàng Sơn		3.0		4.0	3.5	
79	12520364	Mai Trung Tá		7.5		8.0	8.0	
80	12520371	Trần Hữu Tâm		7.0		5.0	5.5	
81	12520398	Nguyễn Đình Hoàng Thành		8.5		6.5	7.0	
82	12520421	Nguyễn Đình Thông		6.5		5.5	6.0	
83	12520436	Thạch Ngọc Tiến		10.0		9.5	9.5	
84	12520442	Nguyễn Văn Tịnh		10.0		3.5	5.5	
85	12520454	Lâm Minh Trí		9.0		6.0	7.0	
86	12520465	Bùi Chí Trung		7.5		9.0	8.5	
87	12520470	Nguyễn Thành Trung		8.0		5.5	6.5	
88	12520476	Vũ Minh Tú		10.0		8.5	9.0	
89	12520503	Võ Quốc Việt		6.0		8.0	7.5	
90	12520512	Lê Xuân Vinh		10.0		9.5	9.5	
91	12520513	Thiều Quang Vinh		10.0		9.0	9.5	
92	12520516	Huỳnh Ngọc Vũ		10.0		7.0	8.0	
93	12520529	Triệu Văn Hưng		7.0		5.5	6.0	
94	12520532	Phạm Hồng Ân		6.0		3.0	4.0	
95	12520558	Trần Công Danh		5.5		5.0	5.0	
96	12520565	Nguyễn Trọng Ngô Việt Du		3.5		2.0	2.5	

STT	Mã số SV	Họ và tên sinh viên	Điểm Bài tập/Đồ án 0%	Điểm GK 30%	Điểm TH 0%	Điểm CK 70%	Điểm học phần 100%	Ghi chú
97	12520566	Nguyễn Huỳnh Trường Duân		10.0		8.5	9.0	
98	12520578	Bùi Phan Duy		6.0		10.0	9.0	
99	12520588	Nguyễn Minh Hiệp		10.0		8.5	9.0	
100	12520591	Đinh Thành Hiếu		10.0		6.0	7.0	
101	12520596	Đặng Thái Hòa		9.0		9.0	9.0	
102	12520597	Lê Minh Hoàng		10.0		9.0	9.5	
103	12520598	Nguyễn Lê Thanh Hùng		9.5		6.5	7.5	
104	12520616	Trịnh Bảo Kha		9.0		8.0	8.5	
105	12520631	Trần Tấn Lộc		10.0		8.0	8.5	
106	12520644	Tiếu Hoài Nam		7.0		4.0	5.0	
107	12520645	Nguyễn Hoàng Nam		8.0		5.0	6.0	
108	12520650	Thạch Anh Nghĩa		9.0		8.0	8.5	
109	12520653	Đặng Minh Ngọc		10.0		8.5	9.0	
110	12520657	Trần Thị Thảo Nguyên		9.0		8.0	8.5	
111	12520660	Nguyễn Minh Nhân		6.0		5.0	5.5	
112	12520667	Phạm Tấn Phát		9.0		4.0	5.5	
113	12520676	Trịnh Minh Phúc		9.5		6.0	7.0	
114	12520677	Huỳnh Đoàn Hữu Phúc		10.0		7.5	8.5	
115	12520681	Trần Tuấn Phương		9.0		6.5	7.5	
116	12520682	Bùi Minh Quân		10.0		5.5	7.0	
117	12520685	Phạm Nguyễn Vinh Quang		7.0		4.0	5.0	
118	12520691	Nguyễn Ngân Sang		7.5		7.5	7.5	
119	12520692	Nguyễn Lê Hoàng Sang		8.0		9.0	8.5	
120	12520699	Lê Vũ Tâm		9.0		5.0	6.0	
121	12520712	Tô Minh Thanh		vắng		vắng		vắng
122	12520717	Nguyễn Thị Minh Thi		7.0		4.0	5.0	
123	12520723	Nguyễn Đức Thịnh		8.0		5.0	6.0	
124	12520725	Dương Quốc Thịnh		7.5		7.0	7.0	
125	12520734	Nguyễn Phú Thuận		8.5		8.5	8.5	
126	12520735	Nguyễn Tự Thuật		8.0		7.5	7.5	
127	12520743	Lê Quang Tín		9.0		5.0	6.0	
128	12520759	Nguyễn Bảo Trung		9.5		6.0	7.0	
129	12520767	Nguyễn Phan Anh Tuấn		10.0		6.5	7.5	
130	12520768	Nguyễn Công Anh Tuấn		10.0		3.5	5.5	

STT	Mã số SV	Họ và tên sinh viên	Điểm Bài tập/Đồ án 0%	Điểm GK 30%	Điểm TH 0%	Điểm CK 70%	Điểm học phần 100%	Ghi chú
131	12520785	Võ Phước Vinh		10.0		4.5	6.0	
132	12520807	Nguyễn Quốc Nguyên		5.0		3.5	4.0	
133	12520824	Trương Quốc Dũng		7.5		5.0	6.0	
134	12520826	Nguyễn Bá Duy		6.5		6.5	6.5	
135	12520839	Lê Trung Hiếu		6.0		8.5	8.0	
136	12520842	Nguyễn Ngọc Hoàng		10.0		6.5	7.5	
137	12520859	Nguyễn Tâm Khoa		10.0		9.0	9.5	
138	12520875	Hoàng Trọng Nam		7.0		6.5	6.5	
139	12520877	Phan Thị Kim Nên		10.0		7.5	8.5	
140	12520899	Lữ Thư Phương		7.0		5.5	6.0	
141	12520909	Nguyễn Thanh Tâm		8.0		9.0	8.5	
142	12520922	Nguyễn Thuận Tiến		10.0		7.0	8.0	
143	12520924	Trần Văn Trinh		8.0		8.0	8.0	
144	12520937	Tôn Thất Quang Vinh		7.0		6.5	6.5	
145	12520952	Phan Văn Luân		10.0		8.5	9.0	
146	12520973	Nguyễn Thế Thời		9.0		7.5	8.0	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	Cán bộ chấm thi	Xác nhận của Trưởng khoa/ Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và ghi rõ họ tên)*